TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 868/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2017/QĐXX-ST ngày 15/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; thường trú: Xóm 1, thôn C, xã L, huyện T, tỉnh A; tạm trú: Số 1/26, khu phố Đ4, phường B, thị xã A, tỉnh D. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Sỹ D, sinh năm 1969; thường trú: Xóm 1, thôn C Thàng, xã L, huyện T, tỉnh A; tạm trú: Số 1/26, khu phố Đ4, phường B, thị xã A, tỉnh D. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949; thường trú: Xóm 1, thôn C, xã L, huyện T, tỉnh A. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Sỹ D sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 09, ngày 02/02/2009, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện và được hai

bên gia đình chấp nhận. Sau khi kết hôn, chị L và anh D sống tại thị xã A, tỉnh D. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lúc đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, sau đó mâu thuẫn ngày càng tăng do anh D thường xuyên ghen tuông vô cớ, có những lời nói xúc phạm và không tin tưởng chị L. Năm 2016, chị L đã nộp đơn ly hôn nhưng Tòa án nhân dân thị xã A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L với lý do những mâu thuẫn chị L trình bày chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống vợ chồng, chưa đến mức trầm trọng để ly hôn. Tuy nhiên, trong một năm qua anh D vẫn chứng nào tật đó, không thay đổi mà còn ghen tuông vô cớ nhiều hơn. Chị L đã nhiều lần khuyên anh D thay đổi để gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Chị L và anh D đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Tấn S, sinh ngày 04/3/2013. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Phạm Sỹ D cấp dưỡng nuôi con. Chị L làm công nhân tại Công ty Đ, lương trung bình hơn 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Sỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D thống nhất với phần trình bày của chị Long về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian sống chung và mâu thuẫn vợ chồng. Anh D thừa nhận anh D thường xuyên ghen tuông vì anh D luôn có cảm giác chị L không chung thủy với anh D nhưng anh D không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, việc anh D ghen tuông là do anh D thương vợ nhưng anh D không có phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh Dũng xác định đã sống ly thân với chị L từ tháng 4/2017 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc nhau. Anh D xác định vẫn còn tình cảm với chị Long nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Tấn S, sinh ngày 04/3/2013. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L và anh D ly hôn thì sau khi ly hôn, anh D đồng ý cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh D làm thợ hồ, thu nhập 01 ngày 250.000 đồng, trung bình 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L là mẹ ruột của chị L, là mẹ vợ của anh D. Vào năm 2013, khi chị L mới sinh cháu S, do chị L và anh D đều làm công nhân, không có thời gian chăm sóc con nên bà L đã đưa cháu S về quê để chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay cháu S đã đến tuổi đi học và do ông ngoại của cháu tuổi đã cao, sức khỏe không tốt nên bà L đã giao con lại cho vợ chồng chị L, anh D nuôi dưỡng. Về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D, bà L không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tạm trú tại phường B, thị xã A, tỉnh D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Sỹ D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh A, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 09, ngày 02/02/2009, là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh D xác định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường xuyên ghen tuông vô cớ vì anh D cho rằng chị L không chung thủy với anh D nhưng anh D không có chứng cứ chứng minh, từ đó anh D không tin tưởng chị L.

[3] Xét mâu thuẫn giữa chị L và anh D thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã tồn tại trong thời gian dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Sau khi Tòa án không chấp nhận đơn ly hôn của chị L vào tháng 7/2016 đến nay, cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh D vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục phát sinh và ngày càng trầm trọng, cụ thể chị Lvà anh D đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, không còn duy trì quan hệ vợ chồng (không ăn chung, ngủ chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau). Anh D cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L nhưng anh D không có phương án nào để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D đã diễn ra trong thời gian dài, anh D không tin tưởng chị L đã khiến tình cảm vợ chồng nhạt dần, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Tấn S, sinh ngày 04/3/2013, không yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Phạm Tấn S, sinh ngày 04/3/2013 vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, anh D đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh D.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Sỹ D.

2. Về con chung: Buộc anh Phạm Sỹ D giao cháu Phạm Tấn S, sinh ngày 04/3/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Lvà anh D đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh D lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị L nuôi con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010334, ngày 10/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh D.

5. Án xử công khai, tuyên án có mặt các đương sự.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh D;
- VKSND TX A
- Chi cục THADS TX A;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Liên